

Số: 45/2020/QĐST-HNGĐ

Đồ Sơn, ngày 28 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 63/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1995; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố T1 (nay là tổ dân phố Đ), phường B, quận Đ1, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Thôn 9, xã K, huyện K1, thành phố Hải Phòng;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ dân phố T1 (nay là tổ dân phố Đ), phường B, quận Đ1, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn T2.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị T và anh T2 thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh T2 có 01 con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 18-6-2016. Chị T và anh T2 thống nhất giao cháu Minh A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; anh T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị T nuôi con là 2.000.000 (Hai triệu) đồng một tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8-2020 đến khi cháu Minh A đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về tài sản chung: Chị T và anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng. Tổng số tiền án phí chị T nhận nộp là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009643 ngày 12-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Bằng La, quận Đồ Sơn (GCNKH số 72 ngày 02-12-2015);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Tùng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.